|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/TT-BKHCN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

 ­­­

**THÔNG TƯ**

**Quy định tổ chức quản lý Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”**

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;*

*Căn cứ Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định tổ chức quản lý Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về việc tổ chức quản lý Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án 1851) được phê duyệt tại Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1851/QĐ-TTg) và Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 138/QĐ-TTg), trong đó bao gồm việc triển khai, tổ chức, quản lý Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số.../QĐ-BKHCN ngày… tháng…năm 2022.
2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia, thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 1851, Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tìm kiếm công nghệ nước ngoài là quá trình nghiên cứu nhằm phát hiện, đánh giá về tính năng ưu việt của công nghệ từ nước ngoài và khả năng chuyển giao công nghệ đó vào Việt Nam, phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, kinh tế - xã hội của đất nước.
2. Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam là việc chuyển giao công nghệ qua biên giới vào lãnh thổ Việt Nam.
3. Làm chủ công nghệ là quá trình tiếp nhận, đổi mới và phát triển công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.
4. Đối tác công nghệ quốc tế là tổ chức, chuyên gia nước ngoài sở hữu công nghệ có tiềm năng hợp tác, chuyển giao vào Việt Nam để liên kết, giúp các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trong nước hấp thụ, làm chủ và phát triển công nghệ.
5. Hồ sơ công nghệ là bản mô tả chi tiết về công nghệ bao gồm các thông tin về mô tả công nghệ, phạm vi ứng dụng trong các ngành, các sản phẩm, hiện trạng công nghệ ở Việt Nam và trên thế giới, xu hướng phát triển công nghệ trên thế giới.
6. Ban chủ nhiệm Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Ban chủ nhiệm Chương trình) là bộ phận tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030. Ban chủ nhiệm Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động.

**Điều 3. Các nhiệm vụ của Đề án 1851**

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai dưới dạng đề án khoa học, đề tài và dự án, gồm 5 nhiệm vụ như sau:

1. Nhiệm vụ nghiên cứu hoàn thiện các cơ chế, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, gồm các đề tài và đề án khoa học nhằm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1 Mục II Điều 1 của Quyết định số 1851/QĐ-TTg.
2. Nhiệm vụ hỗ trợ nâng cao năng lực tìm kiếm, chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam cho các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, gồm các đề tài, dự án nhằm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 3 Mục II Điều 1 Quyết định số 1851/QĐ-TTg, Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 138/QĐ-TTg. Cụ thể như sau:

- Xây dựng, hoàn thiện bộ học liệu phục vụ đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tìm kiếm, chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ;

- Đào tạo, tập huấn trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ, kiến thức và kỹ năng chuyên môn về tìm kiếm, đàm phán, phân tích, đánh giá, thẩm định giá, sở hữu trí tuệ cho đội ngũ quản lý, nghiên cứu, kỹ thuật của các doanh nghiệp, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ;

- Đào tạo, tập huấn trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ quản lý, nghiên cứu, kỹ thuật của các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ.

1. Nhiệm vụ xây dựng, duy trì, khai thác mạng lưới tìm kiếm và cơ sở dữ liệu công nghệ nước ngoài, bao gồm các đề án khoa học, đề tài, dự án nhằm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 3, 4 Mục II Điều 1 Quyết định số 1851/QĐ-TTg, Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 138/QĐ-TTg. Cụ thể như sau:

- Điều tra, đánh giá và xác định nhu cầu tìm kiếm và chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, xác định trình độ, năng lực, khả năng tiếp nhận, làm chủ và phát triển công nghệ của các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực;

- Phân tích, đánh giá thực trạng, xu hướng phát triển của công nghệ, sản phẩm và thị trường của một số ngành, lĩnh vực ưu tiên của Việt Nam và thế giới;

- Tìm kiếm, đánh giá, phân tích và xây dựng các hồ sơ công nghệ đối với các công nghệ quốc tế có tiềm năng chuyển giao vào Việt Nam đối với các ngành, lĩnh vực công nghệ ưu tiên;

- Xây dựng, duy trì và phát triển các cơ sở dữ liệu về nguồn cầu công nghệ trong nước, nguồn cung công nghệ/chuyên gia công nghệ nước ngoài, đối tác công nghệ quốc tế, các dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ nước ngoài.

1. Nhiệm vụ triển khai hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện dự án chuyển giao, giải mã, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, bao gồm các dự án nhằm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 5, 6 Mục II Điều 1 Quyết định số 1851/QĐ-TTg, Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 138/QĐ-TTg. Nội dung hỗ trợ của nhiệm vụ này được quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Đề án 1851 ưu tiên hỗ trợ nhiệm vụ cho các dự án chuyển giao công nghệ có sử dụng nguồn vốn ODA được cam kết giữa phía Việt Nam và phía nước ngoài trên cơ sở hiệp định, văn kiện dự án, quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

1. Nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động thông tin, tuyên truyền bao gồm các đề tài, dự án nhằm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 7 Mục II Điều 1 Quyết định số 1851/QĐ-TTg:

- Truyền thông, nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hoạt động thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;

- Phổ biến, nhân rộng các điển hình về chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài trong các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp;

- Tôn vinh các doanh nghiệp, cá nhân có thành tích trong hoạt động chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam.

2. Nhiệm vụ triển khai dưới dạng dự án đầu tư, xây dựng hạ tầng, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và các hoạt động thường xuyên, định kỳ, hàng năm phục vụ quản lý Đề án 1851, gồm 3 nhiệm vụ như sau:

* + - 1. Nhiệm vụ đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam gồm các dự án đầu tư, dự án khác của các Bộ, ngành, địa phương nhằm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định số 1851/QĐ-TTg và Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 138/QĐ-TTg.
      2. Nhiệm vụ xây dựng và duy trì cổng thông tin điện tử phục vụ Đề án 1851 nhằm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 3 Mục II Điều 1 Quyết định số 1851/QĐ-TTg và Khoản 7 Điều 1 Quyết định số 138/QĐ-TTg.
      3. Hoạt động quản lý của Đề án 1851:

- Xây dựng, duy trì và phát triển mạng lưới các đối tác công nghệ (tổ chức, cá nhân) có nhu cầu hợp tác, cung cấp, chuyển giao công nghệ tại các khu vực, quốc gia trên thế giới cho doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam;

- Tổ chức hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, hội đồng tuyển chọn giao trực tiếp, tổ thẩm định kinh phí, hội đồng đánh giá, nghiệm thu, thuê chuyên gia tư vấn độc lập (trong trường hợp cần thiết);

- Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, đánh giá và chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ;

- Hoạt động thuê chuyên gia tư vấn chính sách phục vụ hoạt động của Đề án 1851;

- Hoạt động của Ban chủ nhiệm đối với các Bộ, ngành, địa phương có xây dựng và triển khai chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án 1851;

- Tổ chức hội nghị, hội thảo (các phiên họp của đơn vị quản lý Đề án 1851, ban chủ nhiệm tại các Bộ, ngành, địa phương, hội nghị, hội thảo, tập huấn, hội nghị sơ kết, tổng kết hoạt động của Đề án 1851...); tổ chức đón tiếp khách quốc tế vào làm việc tại Việt Nam;

- Tổ chức các đoàn công tác trong nước (hướng dẫn triển khai Đề án 1851, đoàn công tác làm việc với địa phương, tổ chức về hoạt động chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ...);

- Tổ chức các đoàn công tác nước ngoài tham gia các sự kiện, kết nối đối tác, học hỏi mô hình, kinh nghiệm hỗ trợ hoạt động tìm kiếm và chuyển giao công nghệ;

- Tổ chức các sự kiện, hoạt động tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin truyền thông về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hoạt động tìm kiếm, chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;

- Các hoạt động khác phục vụ công tác điều hành, quản lý, tổ chức thực hiện Đề án 1851.

9. Các nhiệm vụ khác với các nhiệm vụ đã được nêu ở trên, phù hợp với mục tiêu và nội dung các nhiệm vụ và giải pháp của Đề án 1851 sẽ do Bộ, ngành, địa phương chủ động xây dựng, ban hành, triển khai và quản lý. Theo đó, Bộ, ngành, địa phương có thể thực hiện các nhiệm vụ này dưới dạng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, dự án đầu tư hoặc hình thức khác đảm bảo phù hợp với phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ban, ngành, địa phương được giao.

**Điều 4. Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, đối tác công nghệ quốc tế thực hiện hoạt động tìm kiếm, chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ**

1. Hỗ trợ xây dựng, duy trì và phát triển mạng lưới đối tác công nghệ quốc tế thông qua các hoạt động tổ chức các đoàn công tác nước ngoài, các sự kiện, hội nghị, hội thảo khoa học khoa học và công nghệ và hỗ trợ đóng niêm liễn để duy trì tư cách thành viên của Việt Nam trong các mạng lưới tìm kiếm, chuyển giao công nghệ quốc tế.

2. Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tìm kiếm công nghệthông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn cho đội ngũ quản lý, nghiên cứu, kỹ thuật; phân tích, đánh giá, phân tích sáng chế, tư vấn công nghệ, sở hữu tí tuệ và một số hoạt động khác có liên quan.

3. Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp thực hiện dự án chuyển giao, giải mã, làm chủ và phát triển công nghệ thông qua triển khai các hoạt động như: Tìm kiếm, phân tích, đàm phán, đánh giá, giám định, thẩm định công nghệ, sở hữu trí tuệ, thẩm định giá công nghệ chuyển giao, đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam; Đánh giá tiền khả thi đối với dự án chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ; Mua vật mẫu hoặc sản phẩm để nghiên cứu làm chủ, mua bản quyền, mua bản vẽ thiết kế, thuê chuyên gia nước ngoài, chế tạo và thử nghiệm; Hợp tác nghiên cứu phát triển công nghệ với các tổ chức, cá nhân, đối tác công nghệ quốc tế và các hoạt động khác liên quan.

**Điều 5. Hỗ trợ chuyên gia trong và ngoài nước cho hoạt động tìm kiếm, chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam**

1. Nội dung hỗ trợ của Đề án 1851 đối với các hoạt động của chuyên gia trong và ngoài nước, bao gồm:

a) Các hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực về tìm kiếm, chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 1 Quyết định số 138/QĐ-TTg;

b) Tư vấn hỗ trợ hoạt động tìm kiếm, phân tích, đánh giá, thẩm định, định giá, sở hữu trí tuệ, phân tích sáng chế cho tổ chức, doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 1 Quyết định số 138/QĐ-TTg;

c) Tư vấn thực hiện giải mã, làm chủ và phát triển công nghệ chuyển giao từ nước ngoài cho tổ chức, doanh nghiệp và theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 1 Quyết định số 138/QĐ-TTg.

2. Tiêu chí xác định chuyên gia tìm kiếm và chuyển giao công nghệ

* 1. Đối với chuyên gia đào tạo, nâng cao năng lực tìm kiếm công nghệ đáp ứng một hoặc một số yêu cầu sau:

- Kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm đào tạo, tập huấn phù hợp với lĩnh vực đào tạo;

- Khả năng tìm kiếm, phân tích, đánh giá, thẩm định giá, định giá công nghệ;

- Kinh nghiệm trong khai thác thông tin công nghệ, sáng chế về công nghệ, chuyển giao công nghệ.

* 1. Đối với chuyên gia tư vấn hỗ trợ hoạt động tìm kiếm, phân tích, đánh giá, thẩm định, định giá, sở hữu trí tuệ cho tổ chức, phân tích sáng chế doanh nghiệp có kinh nghiệm tham gia một hoặc một số hoạt động sau:

- Đàm phán, đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ;

- Thực hiện các hoạt động pháp lý, quyền chuyển nhượng/chuyển quyền sử dụng, quyền sở hữu trí tuệ đối với công nghệ, sản phẩm chuyển giao;

- Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam;

- Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện thủ tục chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam;

- Khả năng kết nối mạng lưới đối tác công nghệ quốc tế.

c) Đối với chuyên gia tư vấn thực hiện giải mã, làm chủ và phát triển công nghệ chuyển giao từ nước ngoài cho tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng một hoặc một số yêu cầu sau:

- Có trình độ và kiến thức chuyên môn chuyên sâu phù hợp với lĩnh vực công nghệ liên quan;

- Có kinh nghiệm trong việc hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp trong nước tiếp cận công nghệ nước ngoài, đăng ký chuyển giao công nghệ, thực hiện hoạt động giải mã, làm chủ và phát triển công nghệ nước ngoài…

3. Việc xác định mức chuyên gia tìm kiếm và chuyển giao công nghệ từ nước ngoài làm căn cứ xây dựng quy định tài chính về định mức hỗ trợ kinh phí từ Đề án 1851 được quy định như sau:

a) Mức 1 là chuyên gia đáp ứng tiêu chí quy định tại Khoản 2 Điều này và có từ 12 năm kinh nghiệm trở lên trong lĩnh vực tương ứng;

b) Mức 2 là chuyên gia đáp ứng tiêu chí quy định tại Khoản 2 Điều này và có từ 9 năm đến dưới 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tương ứng;

c) Mức 3 là chuyên gia đáp ứng tiêu chí quy định tại Khoản 2 Điều này và có từ 6 năm đến dưới 9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tương ứng;

d) Mức 4 là chuyên gia đáp ứng tiêu chí quy định tại Khoản 2 Điều này và có từ 3 năm đến dưới 6 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tương ứng;

đ) Mức 5 là chuyên gia đáp ứng tiêu chí quy định tại Khoản 2 Điều này và có dưới 3 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tương ứng.

4. Việc hỗ trợ chuyên gia được thực hiện thông qua các nhiệm vụ của Đề án 1851. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ được hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật về đấu thầu cung cấp dịch vụ tư vấn và bảo đảm tính trung thực của tài liệu chứng minh năng lực chuyên gia đáp ứng tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều này.

**Chương II**

**THẨM QUYỀN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 1851**

**Điều 6. Thẩm quyền quản lý nhiệm vụ thuộc Đề án 1851**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, cấp kinh phí và quản lý tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 và Điểm b, c Khoản 2 Điều 3 Thông tư này thông qua triển khai Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030.

Quy trình quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ đặt hàng tuyển chọn, giao trực tiếp đơn vị triển khai được thực hiện theo quy định từ Điều 8 đến Điều 12 Chương IV Thông tư này.

2. Các Bộ, ngành, địa phương đặt hàng, phê duyệt, cấp kinh phí và quản lý tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau:

* 1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý để giải quyết các vấn đề nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 3 Thông tư này;
  2. Các nhiệm vụ quy định tại các Điểm b, c, d, e Khoản 1, Điểm a, c Khoản 2 và Khoản 3 Điều 3 Thông tư này thuộc phạm vi quản lý để hỗ trợ thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam đối với những lĩnh vực theo định hướng ưu tiên phát triển của Bộ, ngành, địa phương.

Nhiệm vụ đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về đầu tư phát triển.

Căn cứ quy định tại Đề án 1851 và hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư này, các Bộ, ngành, địa phương vận dụng quy định tại Chương IV và các quy định hiện hành để xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình đáp ứng mục tiêu chung của Đề án 1851 theo thẩm quyền, trách nhiệm phê duyệt của Bộ, ngành, địa phương.

**Điều 7. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện Đề án 1851**

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch triển khai Đề án 1851:

* 1. Luật Chuyển giao công nghệ 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;
  2. Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;
  3. Quyết định số 138/QĐ-TTg và Quyết định số 1851/QĐ-TTg, văn bản hướng dẫn triển khai Đề án 1851, chương trình quốc gia, quy định pháp luật liên quan đến hỗ trợ thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;
  4. Nghị quyết, chiến lược, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình của Bộ, ngành, địa phương về phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo;
  5. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, chủ lực, ưu tiên của Bộ, ngành, địa phương trong chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;
  6. Tiềm năng phát triển cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, khả năng huy động các nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước và từ xã hội, khả năng liên kết hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế trong việc thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;
  7. Xu hướng phát triển của công nghệ và sản phẩm, tiềm năng của thị trường trên thế giới và tại Việt Nam đối với các ngành, lĩnh vực trọng điểm, chủ lực, ưu tiên của các Bộ, ngành, địa phương trên thế giới và tại Việt Nam;

2. Định hướng xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai Đề án 1851 của Bộ, ngành, địa phương:

* 1. Có mục tiêu, nội dung hoạt động hỗ trợ đảm bảo mục tiêu chung của Đề án 1851 và phù hợp với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm quản lý;
  2. Bố trí nguồn kinh phí hợp lý từ ngân sách nhà nước phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, kết hợp với huy động các nguồn lực của xã hội thông qua các hình thức đầu tư kết hợp để thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;
  3. Tận dụng, khai thác điều kiện về cơ sở hạ tầng kỹ thuật sẵn có để hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;
  4. Thu hút chuyên gia, cố vấn, nhà đầu tư, doanh nghiệp trong nước và quốc tế điển hình, có thành tích về chuyển giao công nghệ cùng tham gia hoạt động chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;
  5. Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng cần thiết phục vụ hoạt động chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;

3. Trách nhiệm quản lý Đề án 1851 tại Bộ, ngành, địa phương:

1. Xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình trên cơ sở phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu chung của Đề án 1851;
2. Chủ động bố trí nguồn vốn, tổ chức triển khai các nhiệm vụ, trong đó tập trung vào các nội dung quy định tại Điều 3 Thông tư này;
3. Cập nhật, đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, nội dung của Đề án 1851 và gửi báo cáo tình hình thực hiện về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

1. Bộ Khoa học và Công nghệ giao Vụ Kế hoạch - Tài chính thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương xây dựng, tổng hợp kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước chi cho các nhiệm vụ của Đề án 1851 quy định tại Điều 3 Thông tư này;
2. Bộ Khoa học và Công nghệ giao Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án 1851; tổ chức sơ kết và tổng kết tình hình thực hiện Đề án 1851; cập nhật, bổ sung, sửa đổi định hướng ưu tiên chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực theo từng giai đoạn.

5. Kinh phí thực hiện Đề án 1851

Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án 1851 được bảo đảm từ:

1. Ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ cấp cho Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, địa phương;
2. Nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
3. Các nguồn vốn hỗ trợ phát triển (vốn ODA, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại);
4. Các nguồn tài chính hợp pháp khác;
5. Nội dung và định mức hỗ trợ kinh phí nhà nước cho các hoạt động của Đề án 1851 áp dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quy định hiện hành của các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia, hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành khác có liên quan;
6. Sau khi có quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ, doanh nghiệp được triển khai các nội dung thuộc kinh phí đối ứng ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện dự án.

**Chương III**

**QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH TÌM KIẾM VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ NƯỚC NGOÀI ĐẾN NĂM 2030**

**Điều 8. Mã số nhiệm vụ**

Nhiệm vụ của Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030 được ghi mã số như sau: TKCGCN.ĐT.XX/YY hoặc TKCGCN.ĐA.XX/YY hoặc TKCGCN.DA.XX/YY.

Trong đó:

- TKCGCN là ký hiệu chữ viết tắt của tìm kiếm và chuyển giao công nghệ.

- ĐT là ký hiệu chữ viết tắt của đề tài; ĐA là ký hiệu chữ viết tắt của đề án khoa học; DA là ký hiệu chữ viết tắt của dự án.

- XX gồm 2 chữ số ghi số thứ tự nhiệm vụ của Chương trình theo từng đề tài, đề án khoa học, dự án.

- YY là số biểu hiện năm (hai chữ số cuối cùng) bắt đầu thực hiện nhiệm vụ của Chương trình.

**Điều 9. Xác định danh mục nhiệm vụ thuộc Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ đến năm 2030**

1. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ thuộc Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ đến năm 2030:

1. Mục tiêu và nội dung của Chương trình;
2. Kế hoạch tổng thể, hàng năm của Ban chủ nhiệm Chương trình về các nhiệm vụ triển khai trong từng giai đoạn;
3. Văn bản chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, văn bản hợp tác nghiên cứu với đối tác nước ngoài;
4. Nhu cầu của các đối tượng tham gia hoạt động chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ.
5. Ưu tiên cho các dự án chuyển giao công nghệ có sử dụng nguồn vốn ODA được cam kết giữa phía Việt Nam và phía nước ngoài trên cơ sở hiệp định, văn kiện dự án, quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

2. Đề xuất, xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ đến năm 2030:

Trình tự, thủ tục xác định, phê duyệt danh mục nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN.

**Điều 10. Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ và thẩm định kinh phí nhiệm vụ thuộc Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ đến năm 2030**

- Mẫu Thuyết minh nhiệm vụ, gồm: mẫu thuyết minh dành cho đề tài, mẫu thuyết minh dành cho đề án khoa học và mẫu thuyết minh dành cho dự án được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017.

- Nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ thực hiện và nguyên tắc, trình tự, biểu mẫu, nội dung làm việc của Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ và phê duyệt nhiệm vụ thực hiện theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

**Điều 11.** **Tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ đến năm 2030**

- Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ:Mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

**Điều 12. Đánh giá, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ đến năm 2030**

Trình tự, thủ tục đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Báo cáo tổng hợp kết quả của nhiệm vụ theo biểu B3-BCTH (báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

- Việc đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Việc xử lý tài sản, giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hiện hành có liên quan.

**Điều 13. Trách nhiệm của bộ máy quản lý Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030**

1. Ban chủ nhiệm Chương trình có trách nhiệm:

- Định hướng triển khai các nhiệm vụ phù hợp với mục tiêu, nội dung của Chương, lĩnh vực ưu tiên thúc đẩy chuyển giao và bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Tư vấn, đề xuất, kiến nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ các điều chỉnh, phát sinh trong quá trình triển khai Chương trình.

- Thực hiện các quy định nhiệm vụ theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia và Quy chế hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030 do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

1. Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

- Tiếp nhận, xử lý, quản lý, tổng hợp đề xuất nhiệm vụ, thực hiện các thủ tục liên quan đến xác định và công bố danh mục nhiệm vụ thuộc Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030 do Bộ Khoa học và Công nghệ đặt hàng; tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp; thẩm định kinh phí; xác nhận khối lượng công việc trong quá trình triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan ký hợp đồng, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất; điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng; đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả; xử lý tài sản và thanh lý hợp đồng.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030 do Bộ Khoa học và Công nghệ đặt hàng để tổng hợp vào kế hoạch hàng năm.

- Hướng dẫn, phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá, báo cáo kết quả triển khai hàng năm; tổ chức sơ kết, tổng kết hoạt động của Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030 và thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban chủ nhiệm Chương trình.

- Thực hiện quản lý nhiệm vụ hỗ trợ xác định nhu cầu và đánh giá năng lực tiếp nhận công nghệ từ nước ngoài; phân tích, đánh giá xu hướng phát triển của công nghệ; xây dựng báo cáo hồ sơ công nghệ quốc tế; xây dựng cơ sở dữ liệu về công nghệ chuyển giao.

- Đề xuất với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hình thức tôn vinh, khen thưởng tổ chức, cá nhân điển hình có nhiều thành tích trong hoạt động tìm kiếm và chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam.

- Xây dựng, duy trì, cập nhật tình hình thực hiện các nhiệm vụ trên trang tin điện tử của Chương trình; thông tin tuyên truyền về hoạt động của Chương trình; phổ biến và nhân rộng kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình; vận hành các tiện ích công nghệ, phần mềm quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình online/offline.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao.

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

- Tổng hợp kế hoạch và bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án 1851 do Bộ Khoa học và Công nghệ đặt hàng và kinh phí hoạt động quản lý Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030;

1. Đơn vị quản lý kinh phí Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030 có trách nhiệm :

- Thực hiện vai trò của đơn vị quản lý kinh phí đối với: các nhiệm vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ đặt hàng và hoạt động quản lý Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030.

- Chủ trì tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp; thẩm định kinh phí; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất; điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng; đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả; xử lý tài sản và thanh lý hợp đồng.

**Chương** **IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 14. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …tháng…năm 2022.

2. Trong trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được áp dụng theo quy định tại văn bản mới.

**Điều 15. Trách nhiệm thi hành**

1. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Thông tư này hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Tòa án nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương; - Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp); - Công báo; - Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; - Các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ. - Lưu: VT, ƯDCN. | **KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG**  **Trần Văn Tùng** |